

# LESSON 2

在	这	儿	那	里
zài	zhè, zhèi	ér	nèi, nà, nǐ, nǎ 哪	lǐ
CV/V: be at, in or on	Sp: this	BF: son, diminutive particle	Sp: that, which	PW: inside

  

外	前	头	后	了
wài	qián	tóu	hòu	le, liǎo
PW: outside	PW: front	N: head P: (localizer suffix)	PW: back, rear	P: (completed action) RVE: (capability)

  

到	什	么	地	方
dào	shén	ma, me	dì	fāng
V: arrive at CV: to	BF: what	BF: what	BF: place	BF: place